

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2019/HS-PT
Ngày 10-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng, bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 264/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HSST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966, tại tỉnh Bắc Giang; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/10; con ông Tạ Văn T1 và bà Nguyễn Thị S (đều đã chết); vợ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1966, làm nông và hiện đang sống tại thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang sinh hoạt Đảng tại Chi bộ thôn B thuộc Đảng bộ xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị hại: Ông Tô Đình T3, sinh năm 1984; trú tại: Thôn M, xã B1, thị xã B2, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Tô Đình T3 là Giám đốc Công ty TNHH X được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy phép hành nghề khoan giếng, nhận khoan 01 giếng nước trong trường tiểu học Ngô Quyền ở thôn B, xã E, huyện K. Khi ông T3 đưa giàn khoan vào trường tiểu học Ngô Quyền thì bị người dân sinh sống gần trường phản đối vì họ cho rằng khoan giếng sẽ làm tụt mạch nước ngầm, ảnh hưởng đến sinh hoạt của các hộ dân, nên ông T3 đã để lại toàn bộ giàn khoan, tạm dừng việc khoan giếng và chờ chính quyền địa phương giải quyết.

Ngày 30/12/2017, ông T3 dẫn ông Tô Đình D và ông Nguyễn Ngọc V đến trường tiểu học Ngô Quyền để khởi động, bảo dưỡng giàn khoan. Sau đó, ông T3 đi về nhà bố mẹ vợ tại thôn TT, xã E, huyện K. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, một số người dân thôn B, xã E, huyện K đến ngăn cản việc khoan giếng nên ông D gọi điện thoại cho ông T3 đến để giải quyết. Một lúc sau ông T3 đến và giới thiệu là chủ giàn khoan thì tiếp tục bị một số người dân phản đối việc khoan giếng và có hành vi xô đẩy ông T3. Lúc này, Nguyễn Văn T đi ngang qua nghe tiếng ồn ào trong trường nên đi vào ngăn cản và cãi nhau với ông Tô Đình T3. Nguyễn Văn T giới thiệu là cựu trưởng thôn B và yêu cầu ông T3 xuất trình các giấy tờ có liên quan đến việc khoan giếng. Ông T3 vừa cãi nhau vừa đưa điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 của mình ra quay video thì bị Nguyễn Văn T dùng tay đập điện thoại của ông T3 rơi xuống đất, T tiếp tục dùng chân dẫm đạp lên điện thoại rồi nhặt điện thoại lên ném ra xa khoảng 04m đến 05m rơi xuống vệ cỏ. Sau đó, T chạy đến nhặt điện thoại lên ném vào bờ tường rào của trường tiểu học Ngô Quyền khiến chiếc điện thoại bị vỡ, màn hình bị vỡ hoàn toàn và tách rời khỏi thân máy. Sau đó, Công an xã E, huyện K đã có mặt tại hiện trường, tiến hành lập biên bản vụ việc và tạm giữ chiếc điện thoại Iphone 6 của ông Tô Đình T3.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 20/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: Tình trạng điện thoại Iphone 6 hư hỏng, không hoạt động. Giá trị phục hồi nguyên trạng tài sản là 3.300.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HSST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 36; điểm b, h, s, i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585 và 589 BLDS. Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp số tiền 3.300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K vào ngày 04/5/2019 để bồi thường cho ông Tô Đình T3.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/7/2019, bị hại ông Tô Đình T3 kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử không cho bị cáo được hưởng án cải tạo không giam giữ và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Ngày 18/7/2019, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là có căn cứ và đúng pháp luật. Mức hình phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả bị cáo đã gây ra, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, h, s, i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và phân trách nhiệm dân sự.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định: Trong khi cãi nhau lời qua tiếng lại thì ông Tô Đình T3 lấy chiếc điện thoại di động Iphone 6 ra quay video, Nguyễn Văn T dùng

tay hất điện thoại rơi xuống đất, sau đó T nhặt lên ném ra khoảng 4m đến 5m xuống vật cở rồi chạy lại nhặt điện thoại lên ném vào bờ tường rào của trường tiểu học Ngô Quyền. Hậu quả, chiếc điện thoại bị hư hỏng, không hoạt động được do vỡ, màn hình vỡ hoàn toàn và tách rời khỏi thân máy. Giá trị phục hồi nguyên trạng tài sản là 3.300.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo về phần hình phạt của bị hại và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành thật khai báo, tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s, i khoản 1 Điều 51 của BLHS. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 36 của BLHS không cần thiết phải cách ly mà cần giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, nên mức hình phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ mà bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại, bởi lẽ, khi người bị hại tiến hành khoan giếng gặp sự ngăn cản phản đối của số đông người dân, đáng lẽ người bị hại cần phải có cách ứng xử phù hợp hơn nhưng người bị hại lại có hành động, lời nói thách thức, thiếu sự tôn trọng người dân cũng như những người có trách nhiệm giữ gìn bảo vệ trật tự địa phương dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, ngoài ra, bị cáo đã từng tham gia quân đội nhân dân Việt Nam. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Bản án sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo là thiếu sót, cấp phúc thẩm áp dụng bổ sung. Tuy nhiên, mức hình phạt của Bản án sơ thẩm là phù hợp. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần hình phạt của bị cáo, bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[2.1] Xét kháng cáo về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 30.000.000đ (trong đó, giá trị chiếc điện thoại bị thiệt hại 15.000.000đ, thiệt hại do phải đình chỉ việc khoan giếng nước 15.000.000đ). HĐXX thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến hậu quả chiếc điện thoại của ông T3 bị thiệt hại là do hành vi trái pháp luật của bị cáo gây ra, bị cáo là người có lỗi nên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, tuy nhiên, mức bồi thường 15.000.000đ người bị hại yêu cầu là không phù hợp, bởi tại kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 20/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: Giá trị phục hồi nguyên trạng tài sản là 3.300.000 đồng. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu của người bị hại, cần buộc bị cáo phải bồi thường giá trị thiệt hại của chiếc điện thoại là

3.300.000đ, bị cáo được khấu trừ số tiền 3.300.000đ đã tự nguyện bồi thường khắc phục theo biên lai thu số AA/2013 ngày 04/5/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Xét yêu cầu bồi thường 15.000.000đ do bị đình chỉ việc khoan giếng nước là không có căn cứ, bởi lẽ nguyên nhân dẫn đến hậu quả ông T3 bị chấm dứt hợp đồng khoan giếng nước dẫn đến thiệt hại không phải do hành vi đập điện thoại của bị cáo, bị cáo không có lỗi trong việc ông T3 bị đình chỉ hợp đồng khoan giếng nên không có căn cứ phát sinh thiệt hại theo quy định tại Điều 584 của BLDS nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại. Bản án sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo tăng mức bồi thường của người bị hại mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Bản án sơ thẩm nhận định và tuyên không rõ ràng về trách nhiệm dân sự, gây khó khăn cho công tác thi hành án. Do đó, cấp phúc thẩm cần bổ sung.

[3] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị hại ông Tô Đình T3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và của người bị hại ông Tô Đình T3, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HSST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 36; điểm b, h, s, i khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn T.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585 và 589 BLDS. Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại ông

Tô Đình T3, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho người bị hại ông Tô Đình T3 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng), bị cáo được khấu trừ số tiền 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng) đã tự nguyện bồi thường khắc phục theo biên lai thu số AA/2013/16301 ngày 04/5/2019, của Chi cục THADS huyện K. Bác phần yêu cầu của người bị hại ông Tô Đình T3 đối với số tiền 26.700.000đ (hai mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí: Áp dụng các điểm b, e khoản 2 Điều 23; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

- Án phí HSPT: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Án phí DSPT: Người bị hại ông Tô Đình T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- T.H.A hình sự Công an huyện K;
- Bị cáo;
- Chi bộ thôn B, xã E, huyện K;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thanh Huyền